

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 27/4/2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Thành.

*Thẩm phán:* Bà Hoàng Lan Phương.

Bà Lê Thị Hiệu.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:*

Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX - PT ngày 02 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ - PT ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐ-PT, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H; Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H; Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn 5 L (Nay là thôn P), xã T (Nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

\* Người kháng cáo: Bị đơn, anh Phạm Văn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2019, tại bản tự khai ngày 20/9/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Lê Thị H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Phạm Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2014 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, cãi cọ nhau. Thời gian mâu thuẫn kéo dài khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống không hạnh phúc. Đến đầu năm 2018, chị và anh H đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

*Về con cái:* Vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Đức Tuấn, sinh ngày 22/7/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu luôn ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

*Về tài sản:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 20/9/2019 và trong các phiên hòa giải, anh Phạm Văn H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện như chị H trình bày là đúng, tuy nhiên khi anh đi làm ăn xa (Tại tỉnh Đak lak) thì chị H đã tự ý bỏ về nhà ngoại để ở, anh không biết nguyên nhân. Anh đã nhiều lần tìm gặp chị H động viên chị H quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị vẫn không chịu về. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mặt khác anh không muốn sau này con cái phải thiếu thốn tình cảm của cha, mẹ nên anh không muốn ly hôn với chị H mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

*Về con cái:* Vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Đức Tuấn như chị H trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản:* Anh H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 81/2019/HNGĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Phạm Đức Tuấn, sinh ngày 22/7/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Tuấn đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 12 năm 2019, bị đơn anh Phạm Văn H làm đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi con chung là cháu Phạm Đức Tuấn, sinh ngày 22/7/2014 và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và không rút đơn khởi kiện; bị đơn anh Phạm Văn H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 BLTTDS.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm 81/2019/HNGĐ-ST ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên, quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H có mặt, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[2]. *Xét về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:*

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 và 276 BLTTDS. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đương sự không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn được xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn H về yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Đức Tuấn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Bản án sơ thẩm số 81/2019/HNGĐ-ST ngày 11/12/2019 của TAND huyện Thạch Thành quyết định cho chị H ly hôn anh H. Về con chung giao cháu Tuấn cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tuấn đủ 18 tuổi. Sau khi xét xử sơ thẩm anh H kháng cáo về phần nuôi con chung, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, tài liệu gửi bổ sung kèm theo đơn kháng cáo của anh H thấy rằng: Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Đức Tuấn, sinh ngày 22/7/2014. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm cả anh H và chị H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tuấn, đây là nguyện vọng chính đáng của anh H và chị H. Tuy nhiên khi xem xét giao cháu Tuấn cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét các điều kiện hiện tại của anh H, chị H nhằm đảm bảo cho cháu Tuấn có điều kiện phát triển tốt nhất sau khi anh H, chị H ly hôn.

Hiện tại, cả anh H và chị H đều là lao động tự do, đều có thu nhập. Từ ngày anh H và chị H sống ly thân (Theo anh H là từ năm 2017), chị H làm nghề may mặc tại Hà Nội, bản thân anh H làm nghề lái máy múc cho Công ty TNHH xây dựng Vân Phòng tại huyện Heah'leot, tỉnh Đak lak. Hơn ba năm anh chị sống ly thân, cháu Tuấn ở cùng chị H, hiện tại cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và cũng để ổn định tâm lý cho cháu, tránh xáo trộn trong cuộc sống, hơn nữa từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay anh H không gặp con và cũng không biết vợ, con anh đang ở đâu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên đương sự giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn là phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại cấp phúc thẩm, anh H không cung cấp được địa chỉ mẹ con chị H đang ở cũng như tài liệu chứng minh chị H không có khả năng nuôi dưỡng cháu Tuấn nên kháng cáo của anh H là không có căn cứ xem xét.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bị đơn, anh Phạm Văn H không có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 38; Điều 147; Điều 148 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, anh Phạm Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 81/2019/HNGĐ - ST ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Về phần con chung, cụ thể:

Giao cháu Phạm Đức Tuấn, sinh ngày 22/7/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Anh H có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

*Về án phí sơ thẩm:* Chị Lê Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2016/0003784 ngày 19/9/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

*Án phí phúc thẩm:* Anh Phạm Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002630 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- TAND H.Thạch Thành;
- VKSND, THADS H. Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Quốc Thành**